

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2025

V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị P**, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu H, xã T, huyện P, tỉnh P; Chỗ ở hiện nay: thôn F, xã C, huyện Đ, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu H, xã T, huyện P, tỉnh P.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai chị Đào Thị Phương trình B:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 11/01/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên say xỉn, không chịu làm ăn, hay chửi bới vợ con và gia đình vợ. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nhất vào tháng 6 năm 2024, chị đã chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn F, xã C, huyện Đ, tỉnh P, vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/9/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/9/2015. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chị không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung giữa chị và anh H trong vụ án này. Bị đơn vắng mặt không có quan điểm trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị P với anh Nguyễn Văn H về phần tài sản chung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/9/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/9/2015 cho chị Đào Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc chị Đào Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho chị Đào Thị P tiền án ứng án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn H nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Nguyên đơn chị Đào Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đào Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 11/01/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị P cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh H thường xuyên say xỉn, không chịu làm ăn, hay chửi bới vợ con và gia đình vợ. Từ tháng 6 năm 2024 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn F, xã C, huyện Đ, tỉnh P sinh sống. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh H tại khu dân cư, kết quả: Quá trình chung sống tại địa phương anh H và chị P có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa anh chị như thế nào đại diện khu dân cư không nắm rõ do chị P, anh H không trình báo. Chị P hiện không còn ở khu H, xã T, huyện P, tỉnh P, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn F, xã C, huyện Đ, tỉnh P sinh sống từ tháng 6 năm 2024. Như vậy, cần xác định vợ chồng chị P, anh H có mâu thuẫn. Thực tế, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, không duy trì cuộc sống chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị P kiên quyết xin ly hôn anh H. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị P và anh H không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị P yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Đào Thị P xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/9/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/9/2015. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh H trong hồ sơ vụ án. Anh H biết việc chị P khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh không đến Tòa án. Vì vậy anh H đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Đức A và cháu Nguyễn Thị Như Q đang ở cùng chị P tại thôn F, xã C, huyện Đ, tỉnh P, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, không làm xáo trộn điều kiện sống và học tập của cháu A và cháu Q là con chung của chị P, anh H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cháu A và cháu Q cho chị P là người tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung thành niên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:

Tại đơn khởi kiện chị P đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của chị P và anh H; không đề nghị giải quyết về nợ chung, công sức đóng góp trong thời gian sống chung. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung của vợ chồng, chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị P về phần tài sản chung.

Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của chị và anh H trong vụ án này. Đồng thời hiện nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản nêu quan điểm trình bày về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Đào Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho chị Đào Thị P tiền án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên toà là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị P với anh Nguyễn Văn H về phân tài sản chung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/9/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/9/2015 cho đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Đào Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001364 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

Trả lại cho chị Đào Thị P số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001365 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu VP, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hưng